|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | What some pupils say | | |
|  |  | | |
| 4 | Very Entertaining | Lots of fun things (E) | Rất thú vị. |
| 3 | expected | Becoming a programmer(C) | Mong muốn |
| 6 | Connection | Be relevant to (B) | Liên kết |
| 5 | Challenging working | Extra assignments (A) | Thêm nhiệm vụ |
| 1 | The way it is taught | The teacher is very knowledgeable (D) | Cach giảng dạy. |
| 2 | Have a Career | Apply a knowledge of history (B) | Nghê nghiệp |